

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Bích T - sinh năm 1976;

Trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Anh Lê Đức H - sinh năm 1972;

Trú tại: Tổ dân phố số 11, thị trấn G, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đoàn Thị Bích T và anh Lê Đức H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Nhật U - sinh ngày 29 tháng 5 năm 2002; Anh Lê Đức H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Đức Anh K - sinh ngày 18 tháng 12 năm 2013 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Chị T, anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị Bích T và anh Lê Đức H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị Bích T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000294 ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã VL (GĐKKH số 136, quyển 01, ngày 04/01/1999);
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT; AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thành Phần